

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 18

CHƯƠNG III: TẬP THIÊN

TRONG PHẦN 3 CHƯƠNG III

(chánh truyện có mười ba vị, phụ có bốn vị)

1/ Truyện ngài Thích Đàm Thiên trụ chùa Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy.

2/ Truyện ngài Thích Tăng Uyên trụ chùa Phước Duyên ở Quận Tây Thục, đời Tùy.

3/ Truyện ngài Thích Chân Tuệ trụ chùa Thê Nham ở Hà Đông, đời Tùy.

4/ Truyện ngài Thích Tuệ Toản trụ chùa Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy.

5/ Truyện ngài Thích Pháp Thuần trụ chùa Tịnh Trụ ở Tây Kinh, đời Tùy (Tuệ Ngang).

6/ Truyện ngài Thích Pháp Tấn trụ chùa Hưởng Ứng ở Ích Châu, đời Tùy.

7/ Truyện ngài Thích Tĩnh Đoan trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy.

8/ Truyện ngài Thích Đạo Thuần trụ núi Dương Đầu ở Trạch Châu, đời Tùy.

9/ Truyện ngài Thích Tuệ Hoan trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy.

10/ Truyện ngài Thích Trí Thông trụ chùa Thê Nham ở Hà Đông, đời Tùy.

11/ Truyện ngài Thích Bốn tế trụ chùa Từ Môn ở Tây Kinh, đời Tùy (Thiện Trí, Đạo Huấn, Đạo Thọ).

12/ Truyện ngài Thích Tăng Chiếu trụ chùa Thần Điền ở núi Chung Nam, đời Tùy.

13/ Truyện ngài Thích Hồng Lâm ở chùa Đại Hưng Quốc tại Tinh Châu, thời tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Đàm Thiên trụ chùa Thiên Định ở Tây Kinh:

Thích Đàm Thiên, họ Vương, người ở xứ Nhiêu Dương thuộc Bát Lãng. Gần sau này, ông nội Sư đến làm quan ở Thái Nguyên nên bèn ở đó. Thưở nhỏ Sư đã tuấn tú thông minh khác thường. Năm Sư mười ba tuổi, cha mẹ rất vui mừng vì sự nhận biết sâu xa của Sư, nên nhờ người cậu chỉ dạy. Cậu Sư là Trung Tấn Đại Phu Quốc tử Tế Tửu Bác sĩ Quyền Hội đời Tề. Quyền Hội luyện đủ Lục Kinh, nghiên cứu riêng về dịch Đạo, phân quẻ tích Hào, khéo suốt cùng tượng hệ, lấy làm lạ về sự tinh thái của ngài nên trước tiên chỉ dạy cho Chu Dịch. Mới đầu Sư nhận tám quẻ tương sinh, hễ nói liền hiểu, và bắt đầu học một nửa phần văn, còn lại một nửa tự thông, chẳng cần nương thầy mà tự ngộ, vượt hẳn Từ lý. Quyền Hội rất lấy làm lạ.

Có một Bà lão mất vật, đến nhờ Quyền Hội quyết đoán, bốc được quẻ Đoài. Quyền Hội bảo Sư rằng: “Ông thử biện giải xem”. Sư liền ứng lời đáp rằng: “Nếu như quẻ phán, thì chắc chắn là mất cái thoa bằng vàng”. Bà lão kinh hãi mừng vui nói: “Thật đúng như lời biện giải!” Sư nói: “Đoài là thuộc Kim (vàng) vị, hai chân của chữ duỗi giống như hình dáng cái thoa.” Quyền Hội bảo: “Nếu y theo quẻ để xét thì kẻ trộm là ai?” Sư đáp: “Là cô gái da trắng, nhà ở phía Tây của người mất, bóng miệng búi tóc, khoảng mười bốn - mười lăm tuổi lấy cấp đi, tìm có thể được lại”. Về sau, tìm được quả nhiên đúng như lời Sư nói. Có người hỏi về nguyên cơ. Sư đáp: “Đoài là vị của thiếu nữ ở phương Tây. Trong năm mậu phân phương thì thuộc mậu trắng. Điểm chấm trên chữ Đoài biểu thị cho hình dáng búi tóc, bên trong có hình vị Tiên là biểu thị tướng bóng miệng, suy ra từ đó mà biết, chẳng có thuật gì lạ”. Quyền Hội bèn mở sách mà ngợi khen rằng: “Với việc bốc bói, Tôi là người rất khéo, nhưng chỉ đến lấy đoán y Hy mà thôi, đâu được sáng suốt như ông!” Quyền Hội thật rất hổ thẹn, mới nghiệm lời nói “Hậu sinh khả úy” (người sinh sau đáng sợ) của Tuyên Ni, bèn đem các sách Lễ Truyện Thi Thượng Trang Lão v.v... mà trao truyền cho Sư. Chỉ đọc xem qua một lần Sư không cần phải hỏi nghĩa lại. Bấy giờ, y cứ theo Nho học Sư được khen là tài giỏi. Mỗi lời lớn nhỏ có hai tao nhã phúng thích của đương thời. Hai Sử Tả Hữu là sự ngôn của Quân Vương. Lễ bày nhân luân, nhạc đối phong tục, không gì chẳng làm vui thích tai

mất. Thế lực ấy cũng có thể biết được. Chẳng như Lý Trang luận về Đại Đạo, Chu Dịch biện giải Âm Dương. Có thể tỏ ngộ sâu mầu, có thể làm vui thích tình tánh, nghiên cứu mà thưởng vị, là gốc của Huyền Nho. Bấy giờ, những bậc Tiên đạt rất đông, mà Sư thì tuổi tác bé nhỏ, nên khiến cho có người chống báng khen chê. Sư biện giải đối đáp ngang dọc, văn từ ý chỉ tỏa sáng, không ai chẳng cung kính tiếng tăm chân thật ấy. Từ đó, Sư lưu tâm nơi Trang Dịch, quy ý về kinh Phật, Nguyễn muốn dự phần nhuộm áo, được thông suốt chỗ sâu cùng. Cha mẹ Sư rất thương con nên không chấp thuận. Sư tha thiết chí thành trải qua nhiều năm mới được thuận cho.

Mới đầu, Sư đến chỗ Sa-môn Tuệ Vinh trụ chùa Khúc Lý ở Nhiêu Dương. Ngài Tuệ Vinh rất thấu hiểu về chiêm tượng, biết Sư có Tế khí, bèn bảo Sư rằng: “Ông có tâm kính mến đạo lý, nên cùng vui mừng, nhưng xem xét cốt cách của Ông đáng sánh như Di Thiên (Thích Đạo An) tự suy lường Trùng Công có sự hổ thẹn về Đức nghĩa, hãy nên thưa hỏi ở người Cao Thế để xứng hợp với nhĩ hoài!” Sư tuy tỏ bày ân cần cầu thỉnh, nhưng ngài Tuệ Vinh ngăn lại chẳng hứa thuận, nên Sư phải xuất gia với Luật sư Đàm Tĩnh chùa Cổ Hòa ở Định Châu, lúc đó, Sư vừa hai mươi một tuổi.

Bốn nguyện đã toại, trong tâm thản nhiên, cố gắng siêng năng, sớm tối chẳng mỗi mệ. Mới đầu, Sư đọc tụng Kinh Thắng-man, chưa đầy một ngày đã xong. Ngài Đàm Tĩnh lấy làm lạ mà xem xét, Sư đáp lại chẳng sai một chữ. Nửa đêm hỏi nghi sâu trong kinh, không gì chẳng phải nghĩa mầu. Ngài Đàm Tĩnh đã biết Sư là bậc Thần tư đại thành, bèn cho thọ giới Cụ túc. Và tự do thưa hỏi đạo. Sư theo thầy ở núi Ngũ Đài, núi ấy có rất nhiều linh tích. Sư trông thấy đủ thứ thần dị. Sau, Sư trở về Nghiệp Hạ, trải qua các trường giảng, bỏ Tiểu chuyên Đại, chẳng lấy câu kinh hợp qua cõi lòng. Sư đến chỗ Pháp sư Đàm Tuân, bắmcâu cương yếu Phật Pháp. Đang lúc nhà Tề hưng thịnh, Phật giáo đang hưng thịnh. Đến nơi cung Quán, Pháp Tự đều bén nhọn nhanh nhẹn. Tánh Sư chẳng muốn dự qua, từ giã hẩn danh lợi thế gian, mọi người đều suy tôn. Sư thâm nói với mọi người rằng: “Học là để biết Pháp, biết pháp vì để tu hành, đâu phải vì danh lợi vinh hiển, ngay nơi danh là Đạo, nên Ngài Đạo Hằng đời Tần dứt vết ở nơi núi rừng, thật là có nguyên do!”

Sư bèn ẩn tu tại chùa Tịnh Quốc trong hang Hoàng Hoa ở núi Lâm Lự, chỉ ăn rau lá để tư duy, lấy Đạo để gá thân. Nếu có người đến thưa hỏi, thì Sư giải thích. Sư nghiên tinh các kinh luận như Hoa Nghiêm, Thập Địa, Duy-ma, Lăng-già, Địa Trì, Khởi Tín v.v... đều nghiên ngẫm

đến sâu mầu. Đang nghiên tâm Luận Duy Thức, thì Sư bị bệnh tâm nhiệt, Sư chỉ nhờ Tam Bảo, chẳng dùng đến thuốc thang mà ràng buộc tâm. Ban đêm Sư nằm mộng thấy mặt trăng rơi vào bụng, bèn bửa lấy mà ăn, giòn tan như miếng băng, có mùi rất thơm, lúc tỉnh giấc hết bệnh, được bình phục. Hơn mười ngày mà mùi vị vẫn còn trong miệng. Nhân được bậc Thánh hỗ trợ ăn nuốt vằng trắng bèn thành đức, Sư bèn đổi đổi tên là “Nguyệt Đức”. Từ đó về sau, mỗi lần truyền giới cho người, Sư thường nói: “Đối trước Nguyệt Đức tôi mà hai lần xưng nói thọ giới Bồ-tát.”

Đến lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) nhà Bắc Chu đánh dẹp nhà Bắc Tề, Phật Pháp suy đồi. Sư muốn bảo tồn Đạo Pháp, giữ gìn giới pháp, bèn lánh vết ở xứ Kim Lăng, ban đêm kết bạn cùng đi, trên đường đi thường gặp phải cướp bóc. Nên khi đến chùa Khúc Thủy ở Thọ Dương, Sư ngoái nhìn lại Pháp thuộc mà bảo rằng: “Chúng ta vận mỏng nhóm hợp, thường gặp phải cướp trộm. Nếu oán kết chẳng cởi mở thì quả báo trong tương lai chẳng thể hết. Đại chúng hãy buồn thương cho sự ngu mê đó mà tự trách hạnh nghiệp ngày trước. Mỗi người nên tự xả bỏ mọi vật, vì bọn cướp mà tu tạo sám hối, cầu mong đời sau cùng làm Bạn Pháp!” Thế rồi Sư đi về hướng Nam qua con sông lớn trong sự an nhiên tiện lợi. Lấy đó mà suy nghiệm, thật là do sự giúp sức của trai phước.

Lúc mới đầu đến Dương Đô, Sư dừng tại chùa Đạo tràng, Sư đắp y phấn tảo khát thực, nhiếp niệm vô vi. Bấy giờ, Sư cùng các đồng bạn bàn luận nghĩa lý Duy thức. Ở đó có các Sa-môn Tuệ Hiểu, Trí Quyền, v.v... đều là những bậc lãnh tụ của nhà Trần, là Cao tăng ở xứ Giang Biểu. Ngài Tuệ Hiểu học gồm cả Khổng Giáo, Thích Giáo, giỏi về Định môn. Ngài Trí Quyền thì thiên tuệ cả hai đều sâu mầu, là bậc thầy khuôn mẫu của Đế Vương. Lại có Sa-môn Trí Hoăng, người ở xứ Cao-ly rất giỏi về Tát-bà-đa Bộ, danh tiếng vang khắp đương thời, là thành lũy của Phật Pháp, đều một lần gặp gỡ và kết bạn với Sư. Sư lại nói pháp sâu kín, có người muốn việc ấy vang đến triều đình. Sư dự biết tình sự ấy, bèn bảo rằng: “Tôi vì bốn triều sụp đổ, Chánh pháp bị lấn áp, do đó mạo hiểm trải qua sự chết, trôi nổi vượt sông, mà được tham dự vào Phạm lữ. Quả nguyện bình sinh đã được có thừa, gặp gỡ thời vinh, nguyện được ngậm nín!” Chỉ có quốc Tử Bác sĩ Trương Cơ thường tỏ bày hết kính lễ, thỉnh cầu giáo pháp, ngoài ra tại đương cảnh thường luận bàn Trang Dịch, trộm truyền nghĩa lý ấy, dùng để dạy răn thứ lớp.

Nhân đến nhà của Thứ sử Quế châu là Tướng Quân, có được bộ

luận Nhiếp Đại Thừa, Sư cho rằng hạt châu như ý. Tuy trước kia giảng về Duy thức, nghiên cứu sơ lược về Thông tông, đến như suy nghĩ dần dựng sâu mầu thì có sự vướng mắc. Nay trong Đại bộ thấu suốt, Văn từ yếu chỉ rõ ràng. Sắp muốn mở mang giảng bày điều chưa được nghe ở nước ấy, nhân gặp lúc nhà Bắc Chu sụp đổ, nhà Tùy lên trị vì đất nước, Sư bèn cùng các đồng bạn đều già từ Kiến Nghiệp. Các hàng tăng tục biết bạn quen đạo rừng mới, người đi kẻ ở buồn cảm vô cùng, mỗi tựa đề thiên thập. Thiền sư Tuệ Hiểu dùng Chương Phú đề thơ rằng:

*“Đời người gốc Hồ Việt
Quan ngô mỗi khác bờ
Nối liền một khoảng che
Bền thành Bọn Pháp gần.
Bàn nói dứt phiền lụy
Mi sâu mới được bày
Sáng nay bỗng chia tay
Hận mất người trong mắt,
Bạn hướng đường sông Kinh
Tuệ nghiệp ngày sẽ mới, Tôi
ở cạnh sông Hàn
Trợn làm bụi dưới thông
Nỗi chìm từ đây cách
Không đáp lại nhân sau
Giả biệt trợn giả biệt
Ngấn lệ bỗng thấm khăn!”*

Ngoài ra, các bậc danh đức khác đều có Tuyết Từ, vì qua thời gian lâu nên các bản văn ấy đã mất, mọi người đồng nắm tay giả biệt, cùng lên bờ Thạch Đầu.

Sư bước xuống thuyền, quấy động mái chèo, bỗng nhiên sóng gió cuộn nổi, mọi người chẳng biết làm sao. Riêng mình Sư giữ ý tưởng chân chánh chẳng đổi dời, bưng giữ lấy bộ Nhiếp luận, khẩn cáo cùng thần sông rằng: “Nay muốn đem Đại Pháp để khai mở người chưa tỏ ngộ kia, nếu ở đất Bắc không có vận mạng ra sao? Thì nên nghe Đại giáo, xin hãy ngừng sóng gió. Mong công đức truyền pháp âm thầm được chú ý!” Nói xong, chỉ phút chốc tự nhiên tĩnh lặng an ổn, đi đến bờ kia. Người đương thời cho rằng luận ấy dịch tại nước Nam nên thần Hộ Quốc không chấp thuận truyền sang xứ khác. Sự việc đồng như Luận Ca-chiên-diên truyền xuất đến nước Kế -tân, bị La-sát giữ lại.

Khi Sư đã về đến Bành Thành thì những người mới cũ cùng nhau

nhóm họp, mọi người xa gần mừng vui tìm đến, phát triển thành đại chúng. Có một đàn việt xả thí vườn nhà để ở đó. Sư bèn đặt tên chỗ ở là chùa Mộ Thánh. Mới đầu, Sư mở mang Nhiếp Luận, kể đến lại giảng kinh luận hư Lăng-già, Khởi Tín, Như Thật, v.v... nối nhau không ngừng nghỉ. Luận Nhiếp Đại Thừa khai giảng tại đất Bắc thì ở đó là đầu tiên. Tổng Quản Từ Châu là Cốc Thành Công Vạn Tự dẫn các Liêu Tả đến thưa hỏi tiếp thừa, rất mực giữ lễ người đệ tử. Sư hoằng hóa tại xứ ấy, thường cảm động đến thời tiết nóng lạnh, đen trắng biến đổi tục, rất có thành nghiệp. Từ thời Bắc Chu phá hủy chánh Pháp, có nhiều vị lánh ẩn về miền quê, Sư bèn khuyên giúp những người có duyên, ở tại chùa Mộ Thánh xây dựng nhiều phòng gác, tùy có thâu nhận nhóm họp trang nghiêm cúng dường. Thượng Trụ Quốc Tống Công Hạ Nhã Bất Trưởng Sử Trương Thản ra trấn tại Dương Châu, tiếp thừa Đạo phong nghi mở bày, kết làm bạn lành. Đến lúc các hàng tăng tục kính nguyện Đức Âm thì Trương Thản bèn tự tay viết sớ thỉnh mời. Sư cũng như thuyền rồng đời gió thổi, xa đến Quảng Lăng, cả thành quách mong ngóng đón rước, Ca Phạm che cả ráng mây, hương hoa phủ che cả mặt trời mặt trăng. Tang môn một thời vinh hạnh chẳng lúc nào bằng khi ấy! Tống Công danh trọng vị cao ỷ vào khả năng sở học mà ngạo đối. Sư ứng quyền trao Pháp. Tống Công bất chợt tâm say thân đổ mới dẫn gia thuộc theo Sư, cầu thọ quy giới. Mới đầu, trụ chùa Khai Thiện, Sư xây dựng đạo tràng, giảng dạy Nhiếp luận, người thưa hỏi có cả ngàn vị. Chẳng bao lâu, Từ Phương Quan Thứ khát ngưỡng Pháp âm, nên ở Giang Đô vừa giảng xong, Sư lại được đón rước về đất Bắc, xoay bánh xe Chánh Pháp, tiếng tăm vang xa.

Mùa Thu niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc chiếu rằng: “Hoàng Đế kính hỏi Pháp sư Đàm Thiên ở Từ Châu, thừa tu tiếp nối Diệu huyền, nhân siêng năng tinh tấn Đạo giáo, hộ trì chánh pháp, lợi ích Vô Biên. Thật là rường cột của giòng họ Thích, tức là Long tượng của nhân luân. Nguyên sâu rảo khắp, mọi nơi tiếp thừa Đạo phong, tận hưởng phước đức. Nhưng giới hạn vì việc triều đình, thật có ý tưởng hư rộng nên đến ngay để tưới tắm nhọc trông. Đệ tử ở Nội Cung, hiểu rõ Pháp tướng, có mười người thường chuyển đọc Pháp Âm và sắp vào kinh, sẽ cùng Pháp sư xây dựng chánh pháp, phán định kinh điển. Vả lại, Đạo Pháp mới phục hưng, gặp đường thì cỏ mọc, rộng giúp dựng lập thì phải nhờ người thông hiểu. Trong kinh ấp, xa gần đều đến, tuyên dương Pháp sự vì ân huệ rất rộng lớn, tưởng nghĩ Pháp sư chấn tích rũ áo, chớ nề mệt nhọc.

Tâm mong ngóng thấy Pháp sư, chẳng còn nhiều!”

Bấy giờ, các Sa-môn Tuệ Viễn ở Lạc Dương, Tuệ Tạng ở Ngụy Quận, Tăng Hưu ở Thanh Hà, Bảo Trấn ở Tế Âm, Hồng Tuân ở Quận Cấp, mỗi vị đều kính vâng Chiếu chỉ, đồng nhóm họp tại Đế Kinh. Sư bèn dẫn Môn nhân đi đường từ chỗ riêng đều ra Thiên Phủ, cùng năm vị Đại đức kia yết kiến nhà Vua tại điện Đại Hưng. Đặc biệt được lễ tiếp, nhọc dùng lời ưu đãi. Vua lại ban sắc sở ty, đều đến chùa Đại Hưng Thiện an trí cung cấp. Vương Công Tể phụ mũ lọng đối nhau. Tuy mỗi vị Sa-môn đều dẫn theo môn đồ gần mười vị nhưng các Sa-môn mến nghĩa vua ban sắc cũng đều đến. Bèn được muôn dặm tìm thầy, ở đó có thể tưởng tượng như thế nào.

Lúc bấy giờ, cùng khắp trong nước nhà, học tăng ở kinh thất phần nhiều truyền trao trống rỗng xa xăm. Mọi người vì thấy Nhiếp luận mới bắt đầu mở mang, nên chí thành cầu thỉnh. Sư liền giảng nói, có cả ngàn người đến thọ học. Sa-môn Tuệ Viễn là bậc lãnh tụ Pháp môn, thân ngồi ngay ngắn, y theo kinh giảng nghĩa. Từ đó, truyền đăng chẳng dứt, mãi đến ngày nay càng đông. Tuy là Hoàn vũ xuyên tạc, thường có dị đoan, nhưng vốn là chỗ giải thú, không gì chẳng noi theo. Nên trước kia Sa-môn Chân Đế có truyền rằng: “Không bao lâu sẽ có nước Trượng Phu chẳng gần chẳng xa, người căn tánh rộng lớn có thể mở mang truyền bá luận ấy”. Tìm nay nhìn xưa, há chẳng phải là người này (Đàm thiên) ư?

Đến mùa xuân niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế đến Tấn Dương, ban sắc Sư cùng theo xa giá. Khi đã đến Tinh Châu, Vua lại ban sắc cho chư tăng đến điện để hành Đạo. Đến tối tìm Sư vào nội cùng ngồi trên một giường với vua. Vua bảo: “Đệ tử hành Đạo đến nơi đây, nhân phần lớn có độ sơn tăng riêng, đến cầu Công quán, trong ý Đệ tử muốn độ họ. Vậy thế nào?” Sư đáp rằng: “Trước kia, khi vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) thời Bắc Chu trị vì đất nước, có ý muốn diệt Tam Bảo, trong chúng tăng hoặc có vị dứt vết ở chốn hang sâu, hoặc có vị lánh sang xứ khác. Đến lúc Bệ hạ lên ngôi lập nên vận lớn (581) lại mở mang Pháp môn, mọi người đều ca vịnh. Nên có người trở lại quy hướng Thánh Đức, so với tuy thường mong với dẫn độ thoát, lại có trước sau, đưa đến các tế hội khác nhau, vả lại, từ đất trời che chở, không gì chẳng là Vua Dân. Bậc Chí tôn cấp dẫn muôn phương, sao dừng lại ở một thành quách mong được mừng vui”. Vua trầm ngâm trong giây lát, bèn ứng thuận. Nhân đó ban sắc rằng: “Từ tháng tư niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy về trước, các

nơi có tăng ni riêng độ, đều được chấp thuận cho xuất gia”. Nên khắp nơi chư tăng được độ có đến mấy mươi vạn người. Đó đều là do năng lực của Sư!

Sau đó, Vua lại ban sắc vì Hoàng tử thứ tư là Thục Vương Tú mà xây dựng chùa Quang Thắng ở Kinh Thành, do vua làm Đàn Việt, ban sắc đồ chúng của Sư hơn sáu mươi vị đến ở trong chùa ấy, thọ nhận sự cúng dường của vua. Tả Bộc Xạ Cao Dĩnh, Hữu Vệ Tướng quân Ngu Khánh Tắc, Hữu Bộc Xạ Tô Oai, Quang Lục Vương Đoan v.v... nhân những lúc rảnh rỗi việc triều chính, liền cầm quyển tiếp thừa Diệu Chỉ. Có Tứ Môn Bác Sĩ Quốc Tử trợ giáo Lưu Tử Bình là bậc tài giỏi trong Khổng Môn, co gối kính phụng. Đạo Sĩ Cừ Nhạc ở Quận Ngụy là người thông hiểu Trang Lão. Vua Văn Đế rất kính trọng, vào kinh đô cùng bàn luận huyền lý. Sư đã vì Đế Vương nên từ chối các Hầu Bá thỉnh mời. Nên bọn chống kháng hành vi, dấy khởi phải quấy). Có kẻ cho rằng: “Sư đắm chìm trong vinh hạnh sung ái của triều đình.”

Sư bèn soạn “luận Vong thị phi” để chỉ bày chính mình. Trong đó Văn Từ, Sư viết rằng: “Hễ tự mình là Phải thì quấy thuộc kẻ kia, tốt mình xấu người, mọi vật không gì chẳng vậy, vì đều vậy nên khắp trong đời rối rắm chẳng tự Chánh. Đó là do chưa thấu đạt cái tai Hoạn của phải quấy mới khiến nên như thế. Nói đến Hoạn, tức có mười điều không thể được, đó là:

- 1/ Phải quấy không Chủ Tể.
- 2/ Tự Tánh bất định.
- 3/ Ta, người đều có.
- 4/ Làm nhân cho nhau.
- 5/ Đắp đổi chẳng bằng.
- 6/ Ẩn hiện có không.
- 7/ Tánh tự chống trái.
- 8/ Kẻ chấp thiên trước.
- 9/ Phải quấy sai biệt.
- 10/ Không phải không quấy.

Ở đầu nói “Không chủ tể, ở đây nói ta phải”, người kia nói “Ta Phải”. Đây kia cùng tranh giành, bèn làm cho phải quấy không từ đâu mà định được. Người kia nói người này quấy, người này nói người kia Quấy. Kia đây đua nhau dấy khởi, bèn cho quấy Không có đích thú. Hoặc là muốn cho điều Phải tự quy về mình, Quấy thuộc người kia, thì đó có nghĩa lý gì mà có thể như vậy ư? Lý chẳng phải như thế mà gượng làm như thế thì đều đưa đến thất bại. Chúng sinh đâu biết như thế...?”

Văn nhiều ở đây chẳng chép.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười ba (593) đời Tùy, Vua Văn Đế đến Kỳ Châu, bấy giờ Sư cũng cùng theo, Vua bèn ban sắc cho Thục Vương vây lưới Nam Sơn, thực hành cuộc đi săn mùa xuân. Thục Vương rượt đuổi một con thú vào trong hang cũ. Thế rồi mất hẳn dấu vết, chỉ còn thấy đầy hang toàn là tôn tượng Phật bị đập phá rơi rớt. Thục Vương bèn bãi bỏ cuộc đi săn, tấu trình đầy đủ sự việc. Nhân đó, Sư bèn tâu rằng: “Trải qua thời đại Bắc Chu phá hủy Đạo Pháp, linh tháp Thánh tượng nghi dung đổ nát đầy hang rất nhiều. may nhờ Bệ hạ xây dựng lại, đã được sửa sang. Còn như tôn tượng bị đập nát, di ảnh còn đầy khắp đồng hoang. Bần đạo mỗi lúc trông thấy càng thêm thương cảm, vì có tâm mà không làm được tích sự gì?” Vua nghe tấu tức bảo rằng: “Đệ tử ngu muội đuổi khoanh nơi Nham hiên mới khiến Tôn nghi bị mạo phạm giữa sương móc. Như điều Sư nói, đó là lỗi của Trẫm!” Vua lại ban sắc chiếu rằng: “Các nơi có tôn tượng Phật ngày trước bị phá hủy, mong các Quan ty sở tại gắng công xem xét thấu góp vận chuyển đưa vào trong các chùa ở gần cho thuận tiện. Mọi người dân trong nước đồng thực thi theo một văn bản, giao cho quan nhân các châu huyện xem xét trang sức...!” Nêu khắp nơi đồng một phong hóa sửa sang cho trang nghiêm. Sư rất có công trong việc ấy!

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, củi lửa cháy lan Đại tông, Sư lại lên các chùa núi bị hoang phế, đồng thời không quán xuyên chư Tăng trốn lánh, Sư xin đều an định đặt để. Vua lại cho phép. Sau đó vua ban sắc khắp nơi trong nước, chỉ có ngôi chùa núi nào từ một vị Tăng trở lên mới được sắc cấp biển ngạch. Các nơi riêng độ, nương nhờ xuyên suốt”. Sư lại có công với việc ấy! Vua lại ban sắc Hà Nam Vương làm Đàn Việt cho Đạo tràng Thái Nhạc Thần Thông, tức chùa xưa cũ của Lăng Công. Tề Vương làm Đàn Việt của chùa Thần Bảo, tức là chùa Tĩnh Mặc xưa kia. Hoa Dương Vương làm đàn việt cho chùa Bảo Sơn, tức chùa Linh Nham xưa kia. Lại giao cho Sư chọn các bậc Danh tăng ở Tề Lỗ đến trụ tại Kinh đô. Sư rất được người đời kính trọng thật không có gì hơn!

Vua Văn Đế xưa kia đang ở Long Tiêm, có vị sa-môn người xứ Thiên Trúc đem một đũa Xá-lợi trao cho vua và bảo rằng: “Đây là di thân của Đấng Đại Giác, đàn việt phải làm cho hưng hiển thì phước sau này thật không ngần mé!” Nói xong, chẳng biết vị Sa-môn ấy đi đâu. Về sau, khi đã lên ngôi, bởi muôn việc, bức bách, nên vua chưa kịp làm cho hưng thịnh. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, vua

nhớ lại lời xưa, sắp muốn kiến lập, bèn đưa ra xá-lợi vốn có, tận tay giao cho Sư xem xét, tuy mỗi người đều chuyên tâm chú ý, mà trước sau chẳng thể định số được. Vua hỏi về nguyên do. Sư bảo: “Pháp thân Như Lai quá với số lượng. Nay Xá-lợi này chính là di chất của pháp thân, lấy sự mà lường thì thật sợ nhọc bầy”. Ý Vua bèn tỏ ngộ, liền thỉnh ba mươi vị Đại đức an đặt vào tháp báu, làm ba mươi ngôi. Khuôn phép chế độ xây dựng mỗi thứ đều y cứ theo vua A-dục. Vua thỉnh Sư làm thầy Thục Vương. Thục Vương đang trấn tại Lương Ích, ý muốn mời Sư đến chỗ tháp của Thục Vương để xem xét công đức. Các Tể phụ đều cho là đường hiểm trở cao nguy, lối tắt bàn chiết mà Sư tuổi cao khó xung mạo gian nguy, nên lại sửa đổi tấu trình. Vua bèn mời Sư đến chùa Phụng Tuyên ở Kỳ Châu để xây dựng tháp. Sớm tối, Sư cầu nguyện điềm lành để tươi mát tâm vua. Khi sắp tạo hòm đá, cách chùa về hướng Đông bắc khoảng hai mươi dặm, bỗng thấy bốn đoạn đá vân sáng nhuận như ngọc, lớn nhỏ bằng trứng, dùng lấy làm hòm nhiều lớp. Bên trong tự biến thành hình song thọ cao hơn ba thước, màu sắc khác lạ cùng làm nổi bật cho nhau. Hoặc có tướng trạng của chim thú rồng voi, hình hoa lá xoay quanh mền mại. Sư tấu trình sự việc ấy, vua rất vui mừng.

Mùa xuân niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) vua lại ban sắc trong khắp hơn năm mươi châu phân bố xây dựng chùa miếu, đều có cảm điềm lành, như trong Biệt truyện có nói. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, vua lại ban sắc ở ba mươi châu xây dựng chùa miếu. Bèn ra lệnh khắp trong nước có hơn trăm châu lớn đều xây dựng linh tháp, khuyên các chúng sinh làm lành. Sư thật rất có công.

Đến lúc Hiến Hậu qua đời, phía Tây nam kinh ấp, vua thiết đặt xây dựng chùa Thiên Định, giá tháp bảy tầng cao tới tận mây, Điện đường cao rộng, phòng nhà nhiều lớp. Cung quyết bao quanh như rừng, vườn như vườn trời. Cả nước đều sùng tạ, không có ở đâu cao bằng. Vua bèn ban sắc rằng: “Từ sau khi Sa-môn Tăng Điều thị tịch thì cửa Thiên chẳng mở, tuy giới tuệ được mở rộng nhưng hạnh nghi lại thiếu sót. Nay ngôi chùa được dựng xây được đặt tên là Thiên Định, mong tiếp nối vết trước. Nên khắp trong nước mời một trăm hai mươi vị Thiên sư danh đức, mỗi vị có hai thị giả. Và đều giao cho Thiên sư Đàm Thiên tìm chọn đề cử.” Hữu Ty đầy đủ lễ, liền thỉnh Sư làm chủ chùa. Đã ân sắc ban giảng, nên Sư chẳng khởi đến đó. Sư bèn yên định pháp chúng, tiếp đãi các bậc Hiền minh, đều hợp với tâm, vang tiếng suốt đời vua!

Bấy giờ, tại chùa Đại Hưng Thiện, có pho tượng Phật phát ra ánh sáng. Các hàng tăng tục đều trông thấy, bèn tấu trình sự việc ấy lên

vua. Vua ban sắc hỏi Sư rằng: “Tôn tượng trong cung đều là Linh Nghi, từ trước đến nay luôn luôn tu kính, ánh sáng sao chẳng hiện?” Sư bảo: “Các pho tượng Phật đều phát ra ánh sáng, bởi cảm cơ có khác, nên có hiện cũng không thấy!” Vua hỏi: “Trẫm có tội gì, mà đời nay chẳng gặp ư?” Sư bảo: “Ở đời có ba hạng tôn quý, đều có ánh sáng, nhưng dụng của nó khác nhau”. Vua hỏi: “Ba hạng đó là gì?” Sư bảo: “Phật là Tôn quý ở đời, đạo là tôn quý ở Trời. Vua là bậc Chí Tôn. Tôn quý có thường, hằng không thể đều sửa trị. Do đó, Phật Đạo mở giáo, chỉ bày nghiệp từ trước đến, nên phát ra ánh sáng thần để trừ tội chướng ấy. Ánh sáng của Bệ hạ trùm khắp bốn bể, luật lệnh pháp thức cấm dứt nguồn tội, đó chính là ánh sáng rực rỡ!” Vua rất vui mừng.

Sư có dung nghi khôi ngô, giỏi về phong vận, nên gặp cơ đối đáp như thế, lại thêm khí độ hòa nhã, che dơ giấu tật, khéo trụ định môn, huyện tỉnh giới phẩm, thiên tánh nhân từ, ít sự tham đua, nên tuy vua ban tặng mọi thứ, Sư đều xả thí, hiến dâng xa gần. Không một thứ cấp dùng, đều giúp cho tăng chúng. Hoặc giúp đỡ cho người nghèo khổ, hoặc tu tạo sửa sang tháp tượng. Sư lại chẳng trọng hậu vị, chẳng nghiêm sức hoa hòe. Trong có cửa ngăn, ngoài trừ Danh lợi, hiển dương giúp sức mở Đạo, thâm tâm u ẩn, lập chí trong sạch giản đơn, chẳng tạp giao du. Người đương thời lấy sơ ngạo để luận bàn, xét sâu Quốc sĩ, mà thể Sư rộng không, tâm ứng mọi vật. Hễ có nói năng, không lý nào chẳng xác đáng, đều dứt trừ ngưng trệ, hiển bày yếu chỉ sâu xa, nên ngài Tuệ Viễn có nói rằng: “Thiền sư Đàm Thiên phá chấp nhập lý, Đó thật là sở trường hơn ta!” Lời nói ấy rất hợp, mà từ chỉ điển chánh rất có văn chương. Tuy người tài trầm uất, ngậm chứa dòi dào không thể thêm gì.

Sư vốn bị bệnh phong liệt, khi vận hết lại tăng, nên ngài thị tịch tại chùa Thiền Định, thọ sáu mươi sáu tuổi. Lúc đó nhằm ngày mồng sáu tháng mười hai niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607) đời Tùy. An táng tại vườn núi của chùa Thắng Quang, tức phía Bắc dưới chân núi Chung Nam. Đục Đá khắc bài minh, dựng nơi mộ. Trong những ngày kim quan còn lưu lại, có một con chó lông trắng chẳng biết từ đâu đến, đến chỗ lễ tang. Tuy bị cản ngăn, ruồng đuổi, nhưng chẳng chịu đi. Nếu thấy người buồn khóc, chó cũng kêu gào, thấy người hết khóc, chó cũng dứt tiếng. Đưa thức ăn cho, chó chẳng chịu ăn, thường vòng quanh và nằm ở chỗ lễ tang. Khi kiệu tang đưa đi, chó bèn rảo chạy trước sau, tựa như người sứ coi sóc gìn giữ, đến lúc hạ táng xong thì chó liền biến mất. Các hàng thức giả cho rằng chó là vật phòng ngừa, há chẳng phải thần minh hộ vệ ư?

Mới đầu, khi Sư chưa thị tịch, có người mộng thấy phía Đông điện Phật chùa Thiên Định nghiêng đổ, vài người chống đỡ được ngay ngã trở lại. Chỉ có một cột trụ ở phía Đông bắc bị lún vùi trong đất, nhỏ không lên. Nơi phòng ngài ở là góc bị lún vùi ấy. Nên có điềm chứng nghiệm trước, và sau khi Sư đã tịch có vị Sa-môn chuyên tâm chí thành cầu thỉnh, muốn được biết chỗ Sư thác sinh, bèn mộng thấy cảnh giới tịnh độ trang nghiêm sáng chói gấp bội thường truyền. Cây báu cung quyết đứng cao sừng sững. Tăng tục đạo bạn có mấy ngàn người. Sư ngồi riêng nơi đài báu giảng pháp cho chúng nghe. Tuy mộng là chung cho hư thật nhưng linh cảm vẫn hy vọng, hướng gò tùy sự cầu thỉnh mà biết, nên đáng giáng điềm linh, chẳng phải sai lầm.

Sư soạn Nhiếp Đại Thừa Luận Số mười quyển, mỗi năm mỗi mở mang giảng dạy, mỗi lần Sư xoay chuyển bánh xe chánh pháp thì các trường giảng khác thấy ngừng công việc mà đều khuynh hướng khát ngưỡng, đua nhau chạy đến, nếu chẳng đủ thì Sư lại soạn số các kinh luận như Lăng-già, Khởi Tín, Duy Thức, Như Thật v.v..., số các bộ Cửu Thức, Tứ Minh v.v... Hoa Nghiêm Minh Nạn Phẩm Huyền Giải, tất cả có hơn hai mươi quyển, đều lưu hành ở đời. Có Sa-môn Minh Tắc soạn hành trạng của Sư rõ ràng tỉ mỉ trước sau, được xem trọng ở Kinh đô.

2- Truyện ngài Thích Tăng Uyên trụ chùa Phước Duyên ở Quận Tây Thục.

Thích Tăng Uyên, họ Lý, người ở xứ Lô thuộc Quảng Hán. Gia đình rất giàu có, nổi tiếng khắp Ba Thục. Khi Sư vừa ra đời, trời tuôn rải các đồng tiền bằng đồng như mưa trên sân, trong nhà cùng nhau ra gom lấy, nơi nơi đều đầy ắp. Cha của Sư gom thâu mỗi mệ, miệng thở hổn hển thì tiền không còn rơi nữa. Trong kho lẫm tích chứa gạo chỉ đến một nửa, bỗng nhiên tràn đầy ra ngoài. Người thân nội ngoại không ai chẳng ngợi khen phước báu ấy. Từ thưở nhỏ đến lúc lớn lên, chí Sư cứng rắn khác người. Đi thì an nhiên mà từ từ khoan thai, ngồi thì kiết già an nhiên. Mắt phát ánh sáng long lanh khác thường. Dung sắc như ngọc nhuận, tướng trạng tự đồng đỏ. Tiếng nói dường Hồng Chung mở lời phát động cả núi rừng, hai chân có luân tướng, mười góc rõ ràng, hai tay có chín xoáy, dường vân như vẽ.

Năm Sư mười tám tuổi, thân hình đã cao đến bảy thước. Cha Sư lấy làm lạ nên bảo Sư xuất gia. Liền đó, Sư cắt tóc tại chùa Khương Hưng ở phía Tây thành. Nay gọi là chùa Phước Duyên. Sư rộng tìm người có Pháp, thưa hỏi chẳng kể xa gần, qua tai liền chẳng quên, chứa

nhóm báo quát hoài bão. Sư vâng giữ giới hạnh, giữ gìn trong sạch, mặc áo vải thô. Ngoài bình bát ra, Sư không chứa để một vật gì. Sư kết bạn với Pháp sư Nghị cùng ở chung chùa, hai Ngài đều là bậc tài giỏi trong chúng tăng ở quận Thục, cùng theo nhau vào Kinh đô tham cứu điều mới lạ.

Có sa-môn Tăng Thật ở chùa Trắc Hồ, là bậc Thiền Đạo thâm sâu, rất được Đế vương mến trọng. Hai Ngài bèn nương theo mà cầu học Pháp Định, bỗng nhiên chứng biết bến bờ. Trải qua nóng lạnh, rõ xét Từ nghĩa. Sư thì nghiên cứu tinh chuyên Định Đạo, còn Pháp sư Nghị rộng thông kinh thuật. Với các thứ khâu sách, Thảo Lệ, không gì mà Sư chẳng lưu tâm, chú ý. Gặp lúc nhà Bắc Chu Phá hủy Phật giáo, Sư bèn về lại chùa xưa, cắt ngang phòng ở Đông Hàng làm nhà riêng của mình. Ngoài ra còn lại đều sung cúng vào của quan. Đến khi nhà Tùy thay đổi vận nước. Sư lại xây dựng mới lại, kê thợ chặt cây gỗ, trời mưa suốt hai tháng. Sư bưng lò hương cầu thỉnh, theo lời liền tạnh mưa. Khi xây tháp, cần có mâm vàng, Sư lại thỉnh cầu Địa phủ, tùy theo lời liền đào bới, ứng mạng kho tàng khai mở dùng đủ, thừa ra hoàn trả lại hang cũ. Rõ ràng phước lực ấy xưa nay thật chưa hề nghe thấy. Sư thường cung cấp cho người cô độc, chẳng hề trái nghịch ý người, xa gần tùy sức giúp đỡ bố thí như nước chảy.

Lại vì sông Cẩm luôn có sóng gió làm chìm đắm nhiều người, Sư tiện đường phía Nam muốn gá cầu bay, mới gõ cơ may ấy, mọi việc đều nhóm họp. Xưa, gia cát Võ Hầu chỉ trong hai sông, xây dựng cầu Thất tinh, tạo ba cán sắt dài tám-chín thước, đường kính chừng ba thước, người đời gọi đó là cái vạc sắt, dùng để đóng trụ cầu, khi dùng xong bèn ném bỏ dưới sông, khi cần thì cầu nguyện mới xuất hiện lên mặt nước. Lúc Sư tạo dựng cầu mới, sắp tới lúc đóng trụ thì cán sắt ấy tự nhiên nổi trên mặt nước lại trôi đến chỗ bến cầu. Đến lúc cầu hoàn thành thì lại tự chìm xuống nước. Các hàng tăng tục khen ngợi thành lời và truyền mãi đến ngày nay.

Hai ngài Uyên, Nghị đều là khuôn phép cho các chúng sinh, sớm tối hỏi Pháp, không thiếu sót gỏi gắm cậy nhờ. Đến ngày mười một tháng mười hai niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, vào lúc giờ Dần, Pháp sư Nghị bảo đệ tử rằng: “Ba cõi đều Vô thường, ta đã đến lúc quá vãng!” Nói xong liền thị tịch tại chùa Phước Duyên, thọ sáu mươi chín tuổi. Sư nghe thế buồn cảm bảo rằng: “Pháp sư Nghị đã ra đi, chẳng lẽ ta đây ở lại!” Không bao lâu bị bệnh, Sư căn dặn cùng an táng chung, qua ngày mười bốn tháng đó thì Sư thị tịch, thọ tám mươi bốn

tuổi. Đến ngày mười bảy thì đồng an táng tại Cửu Lý Đường, khắc đá ghi bia, dựng ở tại chùa, do Trần Tử Lương soạn Văn bia.

3- Truyện ngài Thích Chân Tuệ trụ chùa Thê Nham ở Hà Đông:

Thích Chân Tuệ, người xứ Hà Bắc thuộc Thiểm Châu, vốn họ Trần. Các đời nhà Trần tại Hà Bắc đều gọi là Quan tộc, xa xưa thì có Hữu tướng Trần Bình ở thời nhà Hán, đến khoảng giữa thì có Hưởng Hầu Trần Trắc đời Ngụy, cho đến triều đại nhà Trần đóng đô ở Giang Biểu đều phát xuất tại làng ấy.

Sư sớm nhàm chán thân này, cha mẹ Sư muốn lưu giữ ngăn cản bằng cách bắt Sư lấy vợ để Sư khỏi hướng ra bên ngoài. Nhưng, chí của ngọc tinh khiết, nhuốm lại càng sạch đẹp. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592) đời Tùy. Khi đó Sư vừa hai mươi tuổi. Cha mẹ đều qua đời. Đã sắp xuất tục mà còn bị ràng buộc bởi người vợ, nên Sư trước khuyên dụ rồi bèn cắt tóc cho, cung cấp mọi thứ đạo cụ đưa gởi sang ở chùa ni. Rồi Sư đến chỗ Thiền sư Thanh chùa Đại Thông ở Thiểm Châu xuất gia thọ giới cụ túc. Thiền sư Thanh đem học phương chỉ dạy cho Sư, thứ lớp có cội gốc, gọi là “Thi-la bất tịnh thì Tam-muội không do đâu thành tựu”, và bảo Sư đến chỗ Thiền sư Tĩnh Hồng ở Nghiệp Hạ. Nhân đó, Sư nương theo hai năm, tham cứu đến chỗ sâu mâu cùng cực. Sư lại đến chỗ Thiền sư Tuân ở tuổi Lâm Lạc thuộc Vệ Châu, sớm trao tối ngộ, trải qua hơn một năm ở chỗ Thiền sư Tuân, Sư thấu suốt sơ lược Thủ Chung. Thiền sư có cả ba trăm vị thầy đều khen ngợi nổi tiếng. Thiền sư Tuân đưa tay xoa đánh đầu Sư như kham truyền đuốc pháp, và bảo Sư sang phía Tây của núi khai mở cho những vị chưa tỏ ngộ. Sư lấy cố vì học mới có ít ngày, sợ có phần sai trái, bèn ở lại nghiên tầm trong hai năm nữa. Mỗi ngày, Sư đều trình nêu, lấy bỏ không nghi.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười tám (598) đời Tùy, Sư vâng mạng trở về theo hướng Tây, trên đường đi ngang qua ngọn núi Bách Gia ở Bạch Lộc, bấy giờ gọi đó là u tuyết, thế núi đẹp vô cùng. Nhân đó, Sư leo lên ngắm nhìn, lại vì lưu luyến nên Sư kiết Hạ tại đó, lại bày đạo Thiền, sang mùa Thu, Sư chọn chỗ đất, không đâu hơn ở Tấn Xuyên. Sư bèn đến Ma Cốc ở núi Bồ Phản Thủ, xây dựng Thiền tự. Bốn chúng đua nhau tìm đến. Sư đoan cư dắt dẫn người học, un đúc thành chợ Định. Trong vòng mười tám năm mà thành tựu rất nhiều. Ngài Kiết Ngang ở chùa Thê Nham rất xứng thâm nhập. Vào niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, mời thỉnh danh tăng đến trụ chùa Thê Nham. Sư chính là người ấy. Nhưng Sư xét đặt cương quyết, thanh bạch liêm khiết

thối nhường, an khổ nhẫn lạc, dung chỉ khả quan, riêng ở chỗ tĩnh lặng, chẳng mong cầu hoa mỹ.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Sư ăn bột hoàng tinh, tuyệt bỏ cơm trăm ngày, xem xét dạy trao, ngồi thiền, lễ sám, chẳng giảm bớt so với lúc thường. Sau, cảm thấy sắc da béo mập, sợ có người học đòi, Sư liền nghỉ dùng bột. Và đến nhàn cư tại cốc Bôi Bàn ở phía Bắc đồng rộng, kiết hạ an cư trong hang hổ, hổ bèn dời đi nơi khác. Đến mùa thu, hổ về lại hang. Thường có thần núi phân thời tiết độ, nếu có chậm chạp kéo dài thì đến giạt tĩnh.

Đến ngày mồng bảy tháng mười niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười một (615) đời Tùy, Sư bị bệnh mà thị tịch tại thiền Phường Ma Cốc, thọ bốn mươi bảy tuổi. Đầu đêm Sư sắp tịch, thần thái vẫn bình thường. Sư bảo: “Tôi sắp vãng sinh tịnh độ, thấy hoa sen đang đơm. Lại nghe tiếng chuông lạ vang thoảng trong sâu, mùi thơm khác lạ xông khắp cùng!” Khi các tướng ấy đã đến, Sư lặng lẽ thị tịch. Các hàng môn nhân đạo tục y pháp trà-tỳ, thâu nhật Di cốt, xây tháp cúng dường tại Ma Cốc.

4 Truyện ngài Thích Tuệ Toản trụ chùa Thiên Định ở Tây Kinh:

Thích Tuệ Toản, họ Vương, người ở xứ Thương Châu. Đến tuổi tráng niên Sư mới xuất gia, trong trắng tự xa. Sư bẩm thừa chỗ sâu kín, học chuộng cương yếu. Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư chuyên học Tỳ-ni, tùy chỗ nghe lược qua, chẳng giữ văn cú. Lúc đang ở Định Châu, Sư đến dự pháp tịch. Giảng đến giới cấm giữ vật báu, Pháp sư hỏi: “Việc nay ngay trước mắt, cuối cùng khó phán đoán thế nào”. Sư nghe thế, riêng cho mình là tên giặc với lời nói ấy. Bảy giờ, trong túi có ba trăm đồng tiền, Sư bèn ném bỏ, từ đó đến trọn đời lời nói Sư chẳng đề cập đến tài lợi!

Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp, Sư bèn lánh về hướng Nam, đến xứ nhà Trần, nghe các Pháp sư giảng đều thêm sửa đổi. Đến niên hiệu Khai Hoàng (581 - 601) đời Tùy, mở mang Phật pháp, Sư lại trở về Đông Xuyên, trụ núi Phong Long ở phía Tây Triệu Châu, dẫn dắt học chúng an cư kiết nghiệp. Các kinh luật Đại thừa Tiểu thừa, Sư đều giảng bàn văn nghĩa, xem trọng hành khoa, lấy giới làm chính, tâm dùng chỗ chỉ, y cứ Pháp làm nền tảng. Đạo phong Sư vang vọng khắp nơi, mọi người quy hướng đông như chợ. Nên điều Sư khai ngộ lấy lìa đấm trước làm đầu. Thân thì nương cây hạnh Đầu-đà, thực hành theo pháp Lan-nhã. Tâm thì tầm tư niệm

tuệ, biết vọng biết giải thích. Chúng bạn cùng nhau nướng tựa đến mấy trăm người, giường chõng Đạo cụ đầy đủ tiện nghi. Sư lần lượt đi về hướng Tây trên đường đến Mã ấp. Các châu Sóc, Đại, Tinh, Tấn, Sư đều đến, tiếng khen khắp nhĩ Hà. Các hàng Đạo tục khuynh tâm trông mong.

Tần Vương Tuấn đang trấn giữ Tinh Châu, kính chuông Phật Pháp, nên xây dựng chùa Khai Hóa ở núi Mông thuộc Thái Nguyên. Nhân nghe Đạo hạnh Sư nên thỉnh Sư đến trụ ở đó. Tăng chúng chung quanh nghe khen ngợi quá lời. Đến mỗi kỳ Hắc Bạch Bồ-tát, cốt yếu Sư cần chọn người có hạnh thanh tịnh, biết người có chút ít tội lỗi bèn ngưng pháp sự, tội quá nặng thì y cứ theo phương đẳng, còn tội nhẹ thì y cứ theo luật mà sửa trị, đó phải lấy giáo mà nghiệm duyên, chỉ thiếu sót một chút thì kinh luật đều xả. Có Sa-di tín hạnh, xem trọng chánh nghiệp, theo thọ mười giới. Sư không chấp thuận, bèn trở về chỗ Thiên Sư Minh Dân - đệ tử của Ngài (Tuệ Toản) vâng giữ hành pháp, về sau trở lại Nghiệp Tướng, mới lập Bộ chúng.

Đến lúc Hiến Hậu qua đời, chùa Thiên Định mới bắt đầu xây dựng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605 đời Tùy) ban sắc thỉnh Sư vào kinh đô truyền giảng giáo hóa. Từ Tinh Châu đến Ung Châu, ngàn dặm kính sùng đạo phong, trên đường đi lần lượt được sự đón rước lễ kính. Các bậc thượng đức ở Đất Vua lại thỉnh Sư đến trụ chùa Long Trì ở núi Chung Nam, đêm ngày cầu thỉnh Sư chỉ dạy, để được nghe điều chưa từng nghe. Vì bị bệnh nên Sư thị tịch tại phòng ở núi, thọ bảy mươi hai tuổi. Lúc đó nhằm tháng chín niên hiệu Đại Nghiệp thứ ba (607) đời Tùy.

Sư có đệ tử là Sa-môn Chí Siêu, kính sùng khuôn phép trước của Sư, nên xây dựng tôn tượng tại Tấn Xuyên, việc này thấy trong Biệt truyện.

5- Truyện ngài Thích Pháp Thuần trụ chùa Tịnh Trụ ở Tây Kinh:

Thích Pháp Thuần, họ Chúc, người ở xứ Thỉ Bình thuộc Phù Phong. Ban đầu, Sư xuất gia dưới thời Bắc Chu, được nghe chánh pháp, đích thân kính thờ Minh Sư, ý trụ trong rừng Định, tâm cứu giúp người yếu đuối. Sư trụ hai chùa Trắc Hồ và Thiên Cung ở Đế Kinh, qua lại dừng ở thông lự làm đầu. Gặp lúc thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, xua đuổi chúng tăng, Sư bèn ngấm trốn nơi chợ thành, bên trong duy trì Đạo phục, ngoài giả mặc tục y.

Đến đầu nhà Tùy (581) phục hưng Phật Pháp, bắt đầu độ chúng tăng, Sư là một trong một trăm hai mươi người đầu tiên được độ, đến trụ chùa Đại Hưng Thiện, Sư rèn khắc thân tâm vượt hẳn năm trước. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605 thời nhà Tùy) nghe Sư có tâm trong sạch, nên thỉnh làm giới sư. Sư từ chối lấy cơ đức mỏng chẳng dám vâng mạng. Vua ân cần chuyên chú không thôi. Sư bèn vào ở nơi cung cấm, để truyền giới Pháp, bốn việc cần được cúng dường trong hậu. Sư không dẫn nổi sự cúng dường ấy bèn từ tạ trở về chùa cũ. Sư than rằng: “Thân mạng mỏng manh, vô thường chẳng lâu bền, suốt ngày bảo dưỡng đâu thấy vững chắc, vật thượng cúng khó tiêu!” Sư bèn hành trì pháp sám Phương Đẳng. Suốt bốn mươi lăm năm thường ở Đạo tràng thanh tịnh, tôn kính kinh điển, xem xét lỗi lầm. Trừ những lúc ăn uống, Đại tiểu tiện lợi, ngoài ra không bỏ sót. Sư từng đốt đèn ở Đạo tràng, bèn cảm ánh sáng của đèn soi chiếu nối nhau suốt bảy ngày bảy đêm, không cần phải thêm dầu châm lửa mà ánh sáng gấp bội lúc thường. Sư thâm lấy làm lạ, vì là điềm lành dứt trừ những điều hệ lụy. Lại nữa, bình dầu để trong điện Phật, bỗng nhiên không thấy, qua vài hôm sau thì lại thấy ở chỗ cũ mà dầu vẫn đầy như cũ.

Thường ở trong yên tĩnh, nghe có tiếng nói pháp dạy truyền, có mùi hương lạ, theo chỗ hồng mà hơi tỏa ra ngoài, có người đến xem, không thấy gì cả. Các vị thức giả cho đó là u kỳ nhóm họp nên như vậy. Sư khiêm nhường sửa trị, gặp việc liền tạo công, chẳng nhọc hình hài, lắng trong biển tâm. Suốt ba năm mưa dầm ứ đọng, dân chúng khổ sở rất nhiều, Sư mới ngăn trừ Pháp Phục, thăm đến trong xóm chợ thôn ấp, hoặc thay người làm thuê, việc rong thì bỏ đi, nếu có trả công thì lại ban cho người nghèo khổ, ăn xin. Hoặc thấy các hàng Tăng tục y phục rách rưới bụi đất lấm dơ, Sư đều thăm giặt nhuộm may vá cho họ, kính qùy mà trả lại chỗ cũ, hoặc khăn giày nệm chiếu bị dơ ứ hôi hám, Sư đều vá đắp, giặt sạch mới hoàn toàn. Những việc như thế thật có rất nhiều. Hoặc ở lúc vắng lặng, Sư mang gánh phần tiểu, có người thấy bèn bảo rằng: “Nếu tình sự mừng vui thanh thái thì nguyện cùng làm”. Hoặc Sư vì chúng tăng mà khổ nhọc làm việc như bữa củi gánh nước. Hoặc gặp đường xá gian nguy hiểm trở thì tự thân Sư đắp lợp tu sửa, nhân đó khuyên mọi người cùng giúp sức làm cho bằng phẳng.

Có người đến đến lại, ngục Vua ngâm đến, đánh trối chẳng lâu”. Nên mọi thứ tài vật có được Sư đều dâng thí cho Đại chúng, chẳng tu tạo kinh tượng. Có người hỏi về ý ấy. Sư bảo: “Người hành Đạo là ở chỗ thiếu thốn”. Nhân vì thú nhập, nên các hàng Vương Công v.v... cúng thí

hằng ngày đầy ấp ở cửa, Sư đều hồi hương dâng cúng chúng tăng, mà tự đắp mặc y áo ca-sa phần tảo, bên trong mặc quần vải bố, lại không thắt eo, dùng dây buộc như pháp của Trung quốc. Chúng tăng trong chùa kính phục hạnh ấy, hoặc có người chẳng dám nhận, cho là Thăng nhân thì mọi thứ cúng dâng có khác với chúng thường. Sư tự lần lượt bảo rằng: “Từ lúc mới xuất gia, tôi nương tựa chúng bạn ở núi, ngày thì cung cấp đại chúng thanh tịnh, đến đêm tối thì nhóm củi đốt lên tự soi sáng, nhân đó mà tụng kinh được hai mươi lăm quyển, như Thập Địa Kinh luận, Kim Cương Bát-nhã luận, Kim Quang Minh, Chư Pháp Vô hành v.v... và đều giảng nói thông suốt, nên những điều tuyên bày, chỉ dạy trích dẫn trong văn ấy ...”

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười lăm (595) đời Tùy, Vua Văn Đế lại thỉnh Sư vào nội cung, truyền trao giới pháp cho Hoàng Hậu. Sư mang vật thí ra khỏi cung, đều ban cấp hết. Nên những kẻ sĩ nghèo khó, mỗi lúc nghe Sư vào cung ắt hẳn là có ban tặng, nên đều nhóm họp ở đầu đường chờ đợi Sư ban thí mà trở về.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy, cảm thấy trong mình không được khỏe, Sư bèn đóng cửa Thất ngôi yên, không hề có đau đớn. Có một Đồng tử mặc áo trắng, tay bừng ánh sáng đứng hầu bên phải. Đệ tử của Sư là sa-môn Tuệ Tấn vào hỏi: “Người ấy là ai?” Sư đáp: “Đó là các vị trời ở tầng trời thứ sáu cõi Dục thường đến thỉnh ta, nhưng vì các trời đấm trước vui thú, nên ta không hề hứa nhận, vì chướng ngại cho việc tu Đạo. Ta thường nguyện sinh vào những nơi không có Phật Pháp để giáo hóa chúng sinh. Ông phải cẩn trọng chớ nói rõ lời này. Sau khi ta qua đời thì mặc tình nói!”

Đến tháng năm, các đệ tử thiết lập Đại trai hội, cầu mong huyền Phước. Các hàng tăng tục nhóm họp ở trước ngài. Có hai con chim bồ câu bay vào trong phòng Sư đậu trên giá áo, chú ý đưa mắt nhìn Sư. Tuy có người chạm tay bắt lấy, nhưng nó không tỏ vẻ khiếp sợ. Sư bảo: “Hãy để tự nhiên, chớ bắt”. Đến chiều tối nó mới bay đi. Đến lúc bệnh Sư đã trở nặng, mọi người đến thăm hỏi. Sư đều dùng Pháp hành mà dạy răn, không được buông lung, tự xem thường. Sư lại bảo: “Ta không biết vì sao bỗng nhiên lại cưỡi voi trắng, đây là vọng nghiệp, làm sao có thể nhận lấy!”. Nhân đó bảo thiết trai thực, Sư già biệt mọi người quen thân ngày trước. các thứ y phục tạp vật vốn có, Sư đều ban tặng cho mọi người đồng hành, nhận lấy một thứ để kết duyên lành. Mà tinh thần chí khí Sư vẫn sáng tỏ, không khởi tưởng gì khác. Sư thị tịch tại chùa Tịnh Trụ, thọ tám mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm ngày mười hai tháng năm

niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy. An táng ở phía Nam gò Bạch Lộc, đục khám mà tôn trí nhục thân Sư vào trong, ngoài mở cửa hang để thí cho các loài chim thú. Sau lại đến xem, thì thân thịt Sư đều kết lại, Di cốt chẳng rơi loạn.

Đệ tử Sư là sa-môn Tuệ Ngang, v.v... hướng dẫn các đàn việt tưởng nhớ khuôn phép trước của Sư, mới đắp họa nghi dung, dùng các chất xanh đỏ để trang sức, hiện còn tại chùa Tịnh Trụ. Có Sa-môn Ngạn Tông ngợi khen đức hạnh cao lớn của Sư, làm văn khen ngợi v.v... Ngài Tuệ Ngang từ thưở thiếu thời được Sư nuôi dưỡng, gần gũi cúng kính hạnh cao, dựng lập văn bia thờ Sư, rộng tỏ bày việc lớn. Thêm vì Ngài Tuệ ngạn lập tánh nhân nhã hòa mục, thức ngộ trong sáng, văn tao trùm khắp, tiếng tăm vang đến kinh thất. Sư soạn thuật được mười quyển, được truyền bá rộng.

6- Truyện ngài Thích Pháp Tấn trụ chùa Hưởng Ứng ở Ích Châu:

Thích Pháp Tấn, không rõ Sư họ gì. Sư trụ chùa Ngọc nữ, ở núi Hưởng Ứng, thuộc huyện Miên trúc, Ích châu, làm đệ tử Thiên sư Huy.

Về sau, Sư đến chỗ Pháp sư Định, thọ mười giới. Sư rất cung kính tinh tấn, khiêm nhường, chỉ chuyên ngồi thiền. Phía sau chùa có rừng trúc, Sư thường đến đó ngồi, có bốn con hổ già đi nhiều chung quanh Sư. Sư bảo: “Chớ để lộ tướng ấy. Sau, ngài dạy Pháp Thủy Quán. Người nhà đi lấy củi, thấy trên giường dây có bình nước trong đẹp, bèn nhặt hai viên đá trắng thả vào trong nước. Đến chiều Sư về lại chùa, cảm thấy đau nhức ở lưng, bèn hỏi người nhà, người ấy đáp có thả đá vào bình nước. Sư bảo: “Sáng sớm mai đến lấy đá bỏ ra ngoài”. Đến sáng sớm, Sư ngồi thiền, người nhà trở lại thấy bình nước trong như trước, liền nhặt các viên đá bỏ ra ngoài, và chỗ đau đờn liền hết. Nhân đó, Sư chuyên thực hành thiền định, chẳng ra khỏi núi ấy.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581 - 601) đời Tùy, Thúc Vương Tú đến ở Ích Châu. Hoàng Phi bị bệnh đau tim, dùng mọi cách trị liệu nhưng đều không hết. Có Đạo Sĩ Văn Phổ Thiện ở núi Bạch Nhai thuộc Xương Long, Miên Châu là người có khả năng dẫm bước lên mũi dao nhọn bén, ngăn ngọn lửa cháy lan, và ở núi Học Minh có hai Đạo sĩ có khả năng kêu gọi quỷ thần, phù ấn chương phán, xuống nước chẳng bị chìm, đều đến Đồng tri, nhưng đều không hiệu nghiệm. Bèn sai Trưởng Sử Trương Anh v.v... đến núi thỉnh Sư đến trị bệnh cho Hoàng Phi. Sư bảo rằng: “Ta ở tại núi đã tám mươi năm, tánh đồng như cây cỏ!”

Những người ấy lại càng tha thiết cầu mời. Sư bảo: “Trọn đời ta ở núi này, Các ông hãy sớm trở về!” Tin về báo lại. Vương Tú lại sai người của lục Ty quan dẫn bốn xe trâu và đồng đi theo cả trăm người cùng đến núi đón rước. Sư bảo: “Vua tuy cao quý, nhưng mạng có sở thuộc”. Sư vẫn giữ chí như ban đầu. Tin đưa về, Vương Tú rất tức giận, tự mình vào núi muốn ra tay hành tội Sư. Khi đã đến chùa, lễ Phật, trông thấy Sư, bất chợt cả mình run sợ toát mồ hôi, Vương Tú nói: “Kính thỉnh Thiền sư trị bệnh cho Hoàng Phi với tâm từ bi của Thiền sư, xin nguyện cứu khổ ấy!” Sư đáp: “Giết dê ăn tim, sao chẳng đau khổ. Tất cả chúng sinh đều là đệ tử Phật, cơ sao đối với Hoàng phi lại sinh mến quý riêng như thế?” Vương Tú hổ thẹn xin sám hối và thỉnh Sư xuống núi. Sư bảo: “Mạng vua đã trọn, không thể không đi. Vua tự đi trước, bản đạo cả đời không quen ngồi cưỡi, sẽ đến sau”. Vương Tú nói: “Đệ tử xin đi bộ với thầy.” Sư bảo: “Người xuất gia khác hẳn người thế tục, vua hãy đi trước, bản đạo sẽ đồng đến”. Vương Tú đi mất hai ngày mới tới, còn Sư chỉ một sớm mai đã tới nơi. Sư vào phòng Hoàng Phi. Hoàng Phi trông thấy Sư mà toát mồ hôi, nhân đó lành bệnh. Dâng cúng Sư năm trăm xấp lụa, áo nạp ca-sa, mọi vật, v.v... Sư bảo Vương Phi đem bồn nước đến, tay Sư nắm lấy mọi vật chú nguyện, tất cả đều hồi hương đưa vào làm cơ nghiệp của chùa Pháp Tự. Sư từ già trở về núi. Vương Tú và Hoàng Phi đều trông thấy chân Sư cách mặt đất chừng bốn - năm tấc.

Đến ngày mồng tám tháng giêng niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười ba (617) đời Tùy, Sư thị tịch trong núi ấy. Rỗng ngâm vượn hú ồn náo cả chùa suốt ba ngày liền.

7- Truyện ngài Thích Tĩnh Đoan trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh:

Thích Tĩnh Đoan, còn có tên là Tuệ Đoan, vốn người xứ Võ Oai, sau đến ở Ung Châu.

Năm mười bốn tuổi, Sư đến chỗ Thiền sư Tăng Thật, thọ học Pháp Trì Tâm, có chỗ ẩn khả sâu. Trải qua các triều đại Ngụy, Chu, Tùy đều kính trọng Phật hóa, mở mang chẳng dứt. Sư do tiết tháo tĩnh lặng mà nổi tiếng. Sau, Sư trở về chỗ Thiền sư Đàm Tượng, thực hành Định Nghiệp. Khi nhà Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Sư bèn dốc hết sức lực cất giấu các thứ kinh tượng, v.v... tất cả có hơn trăm nơi. Trước sau gìn giữ, mong sau này trùng hưng Phật Pháp lấy đó mà tiếp nối. Đến lúc nhà Tùy mở mang, Sư đều lấy ra tất cả, kinh điển truyền bá rộng khắp, đó đều do công đức của Sư.

Sư lại dự phần xuất gia, trở lại tu theo pháp môn cũ, dẫn chúng kết Đạo, thông thả an nhàn. Nhưng Sư khiêm nhuần, cẩn kiệm, không tranh đua với mọi người ở đương thời, chỉ đắp mặc ba y, ứng pháp tích trượng, bình bát. Năm một giường, ngày ăn một bữa, suốt cả đời. Hễ được lợi gì liền ban trả, không chứa để một thứ gì. Danh hạnh đã hiển bày, các hàng sang hèn đều kính trọng. Dưới đời Tùy có Hán Vương Lương kính trọng giới đức của Sư, đã từng thọ nhận sự dạy răn. Vua Văn Đế (Đương Khiêm 581 - 605 đời Tùy) và Hiến Hậu thỉnh Sư vào cung, theo thọ chánh pháp, bảm nhận quy giới, muốn lưu giữ Sư ở lại trong cung qua đêm. Sư bảo: “Người xuất gia, luôn nêu cao sự lìa tục, cung cấm chẳng phải chỗ dừng nghỉ qua đêm”. Qua nhiều lần mời vào cung cấm, Sư thường mở mang những lời dạy đúng theo giới luật. Vua ban sắc đem giường bằng ngà, khám bằng chiêu đàn và các đồ dùng bằng vàng trước sau dâng tận để tạo phước lực, nên nay chùa viện cao rộng, đó đều là sự tiếp nối từ Sư. Do đó, mọi tài sự càng thêm vẻ vang, mỗi ngày càng treo cao nơi chùa viện. Sư không tự nhận một vật gì, tất cả đều quy tụ về kho lẫm của chư tăng. Và Sư thường đóng thất, rũ màn tĩnh lặng, không tiếp xúc người vật.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601 - 605) đời Tùy. Vua Văn Đế có ban sắc cho Sư đón rước Xá-lợi đến Dự Châu, thường phát ra ánh sáng màu trắng, biến thành năm mầu xoay chuyển bên cạnh bình, khiến người trông thấy phát tâm, đục đá khắc bài minh. Văn từ đưa đến Hoàng Đế, khắc sửa sắp xong, bèn biến thành chữ vàng, rõ ràng suốt ra bên ngoài. Mọi người đương thời cho đó là điềm lành.

Gặp lúc vua Cao Tổ băng, Tuỳ Trữ nổi nghiệp, xây dựng chùa Đại Thiên Định, để tạo Phước cho Vua Văn Đế. Thỉnh các vị tĩn nghiệp khắp trong nước đến ở đó. Vì Sư là bậc đạo hạnh tỏ suốt tâm chúng sinh, nên Vua ban sắc mời Sư đảm nhận làm giềng mối tất cả. Sư từ chối mà chẳng được, bèn đứng đầu trong chúng tăng. Bảy giờ, nghĩa tụ các vị ở khắp bốn phương, có cả trăm người cùng đồng tâm. Pháp lệnh chưa xiển dương, hoặc có lỗi với linh hóa, mà Sư tự thân giữ sự khuôn phép cố gắng. Mọi người đều kính trọng vái chào. Nên khiến những kẻ sĩ biếng lười cố gắng sửa đổi, mà theo sự dạy răn khuyên gắn rất nhiều.

Đến ngày hai mươi bảy tháng mười hai niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Thiên lâm, thọ sáu mươi bốn tuổi. An táng ở ngoại ô phía Đông kinh đô. Chùa Cổ Thiên Lâm vẫn còn bày năm sắc, giường ngà ngàn năm. Ca-sa bằng vỏ cây hiện còn. Do vật ít có nên mọi người đến xem rất đông.

8- Truyện ngài Thích Đạo Thuấn trụ núi Dương Đầu ở Trạch Châu:

Thích Đạo Thuấn, không rõ Sư là người xứ nào, Sư thường tĩnh lặng ở chốn suối rừng, nương đạo tự ẩn, khi nói thường mỉm cười, bàn luận trong sáng cao xa. Sư thường ở chỗ Thần Nông định được tại núi Dương Đầu thuộc Trạch Châu.

Sư cất thất bằng cỏ tranh, ngoài ra không chứa để một vật gì, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, thường ngồi suốt năm. Đó cũng là hạnh sa-môn trong sạch. Đức hạnh bên trong tràn đầy, tiếng tăm vang xa giữa thế tục. Hay cảm rần và chuột đồng ở dưới giường chõng, mỗi loại tự sản sinh nuôi dưỡng, chẳng náo loạn lẫn nhau. Lại có hổ đến ngồi xồm bên cạnh, Sư giảng pháp cho nó nghe. Lúc có người qua lại thì Sư bảo hổ lánh đi. Hoặc Sư bảo với hổ rằng: “Ngày mai có người lại, người đừng đến”. Đúng như lời Sư, hổ không xuất hiện. Sư có những sự cảm thông nhận biết sâu xa đến như thế. Người cung cấp hầu hạ Sư ở chung với hổ, hổ giống như chó trong nhà, không hề ngại sợ nhau. Thân Sư đắp mặc áo nạp rách rưới, không hề chọn lựa, gót chân dẫm khắp rừng hoang chẳng kể sớm tối.

Vào đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, bỗng nhiên Sư vào xóm làng nói pháp giáo hóa. Dân chúng các thôn đều nhóm họp đông đảo thọ pháp. Riêng có một người nữ Sư chẳng truyền giới, Sư bảo người nữ ấy rằng: “Cô sẽ đọa vào loài trâu, tướng ấy đã hiện. Quy giới không thể cứu được cô. Nghiệp đã định, người hãy tự cứu lấy”. Khi đó, có người không tin lời ấy, cho rằng Sư mê hoặc quần chúng. Và mọi người đều sinh tâm nghi ngờ. Sư muốn giải quyết xua tan mọi sự bàn luận nên bảo mọi người rằng: “Nếu người nào không tin thì thử đập vào bóng nghiệp đuôi trâu của người, thì sẽ chẳng bước tới được”. Liền đưa chân dẫm lên chỗ đất trống phía sau quần cô gái gọi là đuôi ảnh, người nữ như lời Sư nói lấy bèn dậm không được. Khi đó mọi người đều kinh sợ vâng tin, thỉnh cầu với Sư rằng: “Làm sao để dứt trừ nghiệp báo ấy?” Nhà người nữ ấy chứa gạo thóc có mấy muôn thạch, do sợ nghiệp ác nên đồng một lúc thí xả tất cả. Sư đều vì cô gái mà tu tạo phước lành, bảo người nữ ấy sám hối, nhiều lần thực hành như thế, nghiệp ác được dứt trừ, Sư mới cho thọ quy giới. Lấy đó mà luận thì Sư có được khả năng thấy biết sự còn mất của nghiệp ảnh, tức rất gần với bậc Thánh.

Hoặc Sư đi đến trong các thôn ấp đang mắc bệnh dịch lệ, thọ nhận sự cúng dường của những người mắc bệnh, nếu thấy có người máu mủ đang tràn chảy ra ngoài thì Sư đưa miệng mút lấy. Tâm tình không khởi

niệm gì khác. Hoặc giặt giũ y phục cho họ, hoặc lắng gạn nghiệp tâm cho họ, Sư lấy đó làm việc chính của mình. Tâm tình mừng vui, không chút buồn rầu.

Sau, Sư đến các xứ Lâm Lự, Hồng Cốc, đi về hướng Bắc, Sư lại đến đình Tấn Bàn, v.v... các Chùa núi, tổng hợp nghiệp Thiền Định. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

9- Truyện ngài Thích Tuệ Hoan trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh:

Thích Tuệ Hoan, họ Quản, người ở xứ Vân Dương thuộc Kinh Triệu. Từ thuở nhỏ Sư đã nhàm chán thế tục, kính mến xuất gia, những khổ nổi thường ngày không lối vượt thoát, nên phải trải qua lắm sự cản ngăn, gặp nhiều nóng lạnh. Quá tuổi tráng niên mới được toại nguyện. Năm ba mươi bảy tuổi, Sư xuất gia, vào Đạo, đến chỗ ngài Sùng Công chùa Thanh Thiên, thưa hỏi thọ học định Pháp, nhiếp tâm nghi thể, quên bỏ hay dở. An lập giác quán, tự nhiên dốc bỏ hết. Thêm vì chí hướng ở nơi suối rừng, tiêu dứt bóng hình trong nhân thế, trần dục dần hết, chỉ học ở núi lấy làm đầu. Sư từng kinh hành trên đỉnh núi, lỡ bước rơi xuống từ ngọn núi cao, được đứng yên trên đá, chẳng quên thiền niệm. Sư có được sự cảm linh như thế.

Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605 đời Tùy) trị vì đất nước, dựng lập Đại Già-lam. Vì Sư là bậc Chí Đức ngậm khắp, nên vua thỉnh Sư mà cúng dường. Đến tháng hai niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Đại Thiên Định, thọ sáu mươi chín tuổi. Ngài căn dặn đem nhục thân vào bỏ trong rừng lạnh. Các đệ tử của Sư theo Đức nghĩa, bèn đón rước đến hang Ngạnh Tử ở núi Chung Nam. Dẫn dắt các hàng tăng tục đến tạo Bia minh, xây dựng tháp báu.

10- Truyện ngài Thích Trí Thông trụ chùa Thê Nham ở Hà Đông:

Thích Trí Thông, họ Trình, người ở xứ Y Thị thuộc Hà Đông. Vừa mới sinh ra Sư đã biết tin ưa sự xác thực, vui thích kính mến đạo tuệ, sắp học thư kế, Sư lại muốn xuất gia. Cha mẹ lấy làm lạ bèn chấp thuận.

Năm mười tuổi, Sư được cạo tóc, thuần hậu nghiêm túc, cung kính hiếu hòa, khiêm nhường hạ mình. Đối với thầy tổ bạn bè, Sư tiếp việc không lười biếng. Sư tu trì giới hạnh, ca vịnh Pháp ngôn suốt ngày đêm không ngưng nghỉ. Sư tụng yếu kệ tán Phật trong kinh hơn ba ngàn bài. Suốt năm mươi năm không hề nói lời mỗi mệ. Bởi từ gốc đức chẳng

đua tranh. Lập tang vẫn còn, Phật giáo bị đấm chìm phá hoại, bạn đạo không nơi quy hướng, Sư bèn theo Luật sư Tuấn và Pháp sư Diên, hết lòng thọ học. Chẳng vì gian nguy ách nạn mà cản trở tâm chí. Đến lúc vua Văn Đế (Dương Khiêm 581- 605) đời Tùy trở lại phục hưng Phật Pháp. Sư bèn lặn lội trở lại Bồ Phán. Lòng từ cứu giúp vừa kịp. Sư bèn xây dựng chùa Cô Lão ở Thành Trì, tâm bình đẳng giúp đỡ, vì thời vận mà chu cấp, truyền giới giảng pháp nhân cơ duyên mà hưng khởi, ăn dẫu mà nhớ tiếng, thường ngày có đến cả ngàn.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601 - 605) đời Tùy có xây dựng một ngôi tháp, sửa sang lại chùa Thê Nham, thoáng chốc mà Sư cởi giày đến nhàn cư tu nghiệp, gần gũi lo việc hương hoa, tự thân luôn chăm quét tước. Miệng thường khen ngợi, mắt thường ngắm nhìn, khéo do chính mình chứa Đạo, đều vì muôn sinh, nên của cải tuy có thừa mà Sư đều sung vào tu tạo công đức. Đến ngày hai mươi bốn tháng mười niên hiệu Đại nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, nhân bị bệnh nên Sư thị tịch tại chùa, thọ sáu mươi bốn tuổi.

Trước lúc chưa tịch, có mấy ngày Sư không được khỏe, vị Duy ma đánh chuông mà dùi tự gãy, các vị thức giả cho là chẳng thể vượt qua. Sư nghe việc ấy, bèn bảo thị giả xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, Sư hồi tâm nhiếp miện, nguyện sinh về cõi ấy. Sư có đệ tử nhập thất là sa-môn Đảnh Cái, sớm tối kính thờ. Bỗng nhiên Sư hỏi ngài Đảnh Cái rằng: “Trong nhà trù có làm những thức ăn gì?” Ngài Đảnh Cái thưa: “Thầy cần thức ăn gì?” Sư bảo: “Có các vị Đạt quan Quý trọng sắp đến!” Ngài Đảnh Cái thưa: “Xưa con nghe sinh trong loài người thấy các vị Quý tướng, thầy vốn tu đức nên họ đến, há là ở người ư?” Đến xế chiều Sư mới mở mắt nhìn thẳng, giây lâu không nháy, tướng trạng như thấy điều gì. Vị thị giả đứng bên cạnh đốt thêm hương, lặn lội đứng cung kính, hương cháy một khoảnh mới ngừng. Sư bèn búng ngón tay bảo rằng: “Không thể suy nghĩ bàn luận?” Có người hỏi nguyên do. Sư bảo: “Thấy Phan cờ báu lọng hoa Tháp miếu trang nghiêm.” Đến đầu đêm, Sư lại xoay đầu bảo rằng: “Vừa thấy Minh Châu. Bây giờ đâu rồi?” Sư lại bảo: “Có việc gì mà đốc đuốc rự rờ như thế?” Bèn che đèn cho tối. Phút chốc Sư lại bảo: “Lửa sáng sao càng sáng vậy?” Ngài Đảnh Cái thưa: “Nay thất mờ tối là tướng tịnh của thầy, không có gì lạ”. Sư bèn chấp tay cho đến sáng. Sư lại bảo: “Ta sinh về Tịnh Độ!” Nhân đó mà hơi thở lắng dần, núi non rung chuyển, cửa nẻo đều lung lay. Đàn chim trĩ kinh hãi kêu vang, chẳng phải như thường nghe.

Trong chùa, có sa-môn Đạo Tuệ, trời chưa sáng còn gá ngủ, đến

lúc ấy kinh hãi bất chợt ra đứng tựa hàng hiên nhìn xuống, bảo: “Nếu Thiên sư thị tịch, chắc chắn sinh về tịnh độ, vì sao biết được? Vì trong lúc ngủ thấy trên đỉnh núi phía Tây đều là lầu các điện đường, bay đi giữa hư không.” Nói xong mới biết là Sư đã thị tịch.

Lại nữa, mẹ của ngài Đảnh Cái họ Vương. Từ lâu có tâm thành kính tin đọc tụng các kinh, lễ sám phát tâm, lấy việc vãng sinh làm chính. Đến tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, đến lúc sắp xả bỏ thân mạng, bà càng thêm chuyên cần chí kính, mắt thấy trước giường có hoa sen màu đỏ lớn như cái vò năm hộc. Lại thấy hoa sen màu xanh khắp đầy trong vườn nhà. Đức Phật A-di-đà, các vị Bồ-tát Quán Âm, Thế chí cùng lúc đều đến. Ngài Đảnh Cái cùng người cháu là Tiết Đại Hưng cùng hầu gần bên cạnh nghe trình bày lại. Và Tiết Đại Hưng thấy Đức Phật hình sắc rất lớn và hai vị Bồ-tát, giây lâu đều biến mất. Đó đều là việc gần đây nên chép vào thật lục.

Có Sa-môn Hạnh Hữu là bậc Danh tăng ở Bồ Tấn, vì viết Bản Truyện, nhân đó soạn luận rằng: “Pháp vốn bất sinh, nên nay vô diệt, như thân thật tướng, quán Phật cũng vậy, nhân lấy đó mà bàn luận thì ba cõi cùng một thức thâm quy về, sinh tử và Niết-bàn là đồng thể, đâu thể dung chứa sạch dơ, đây kia ở trong ấy ư? Nhưng hễ là người học, vọng tình chưa hết, chưa thể bình đẳng giữa ta và người, bình đẳng giữa khổ và vui, dứt trừ mừng chán, dứt hẳn phải quấy thì phải nên hồi hướng, nêu chỗ Tâm hướng về sau đó mới vãng sinh. Kỳ thật chẳng phải như vậy. Thí như gương sáng thì hình hiện, hang trống thì tiếng vang, hình bóng và âm thanh đến đâu phải là xa ư? Mà người bị mê hoặc, vì thức tối tăm nên sinh nghi cho rằng Tịnh Độ phải vượt ngoài ba cõi, thoát khỏi chín Định, tuyệt vực lạng lẽ, trải qua đường xa xăm. Tự chẳng phải Địa vị cùng cực của ba Thừa và bậc Thánh Thập Địa chứa nhóm công hạnh thì đâu thể sinh về cõi kia? Sao lại sai lầm như thế? Hãy quán xét Thượng nhân (Trí Thông) đây bảm tánh ôn hòa nhu nhuyễn, làm người thanh khiết, với sự tu tập đó thì phước đức rộng lớn. Công phu Định tuệ che chưa đủ niên kỷ, thẳng đến tán thiện trong một đời, Tâm rộng rang lúc sắp qua đời thì có thể mắt thấy ánh sáng, đích thân thấy cờ phướn, rung chuyển trời đất, mộng cảm người bên cạnh. Vậy đủ biết nghiệp của chín phẩm có nghiệm chứng, công đức của mười niệm không sai. Chúng ta cùng đồng chí hướng đâu thể chẳng cố gắng ư? Nếu như gần gũi Đại thừa, tu hành chánh quán, xem xét mé gốc của hạt bụi nhỏ, tìm nguồn gốc ban đầu của một niệm thì có thể gai gốc được mang đi bởi

âm thanh Vô thường, chim quạ nói pháp sâu xa, mười phương cõi tịnh chưa hẳn hơn đây. Nếu quyến luyến vợ con tôi tớ, bằng hoàng khó khổ bấm vú mưu sinh, chưa nhàm chán rong ruổi theo vật đã mệt nhọc, hết khoảng thời gian trăm năm sống trong thẳng thốt, rốt cuộc ngần mé của một đời ở tại vôi vàng bận rộn. Trong không hề toan liệu, ngoài chẳng nơi cậy nhờ, thì lớn nhỏ đều âm thầm chìm đắm, làm sao tự trở lại được? Thật đáng buồn thay!

II- Truyện ngài Thích Bồn Tế trụ chùa Từ Môn ở Tây Kinh:

Thích Bồn Tế, họ Tống, người ở xứ Giới Hưu thuộc Tây Hà. Ông nội Sư chẳng kính thờ Vương hầu, lánh đời không buồn rầu, bị ép làm Liêu Tĩnh, bèn cầm mũ mà trở về. Sư đang độ tuổi búi tóc mà trí sáng như đã thành người. Mới độ tuổi thay răng mà theo kinh nghiệp, nên đối với sáu Kinh ba sử Sư đều lưu tâm. Tuy rằng Đường nhỏ nhưng lược thông nghĩa lớn, nên bạn bè ở Trường quý trọng chỗ Sư thừa hỏi. Sau vạch chiết đã sâu, bỗng nhiên đại ngộ, Sư bèn nói rằng: “Đây thật là căn bản của Vũ trụ, sao lại làm lụy thức lắng trong của người?” Và Sư bèn quy hướng kính ngưỡng giòng họ Thích, già từ bà con đi xuất gia.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ nhất (581) đời Tùy, lúc ấy Sư mười tám tuổi, giới định quá trong sạch, chánh nghiệp càng sáng cao, chẳng ăn mặc mới mẻ hoa hòe để dứt bỏ sự ái nhiễm, tự thân hành trì pháp nhẫn nhục, xót thương kẻ tăng thượng mạn. Sư xem rộng các kinh luận, đều tụng ở trong tâm, giảng giải suy lường, xoay vần nối nhau. Bấy giờ, cùng Quán xét Đạo phong, vẻ vang ấy trùm khắp. Gặp Thiền sư Tín Hạnh khai sáng Dị Bộ, bao gồm Tiên đạt, khơi mở cho hàng Hậu hiền. Sư nghe mà kính trọng khen ngợi, vui mừng mặt xoay về hướng Bắc mà tiếp thừa Bộ, như rót bình chẳng phải dụ, khế hợp không sai. Vì khi Thiền sư Tín Hạnh mới kiến lập thì Tập lục đang còn ở tại Đông Sơn, đã không có văn gốc chỉ chỉ giảng bằng miệng, đều thấu đạt chỗ sâu kín. Sau khi Thiền sư Tín Hạnh thị tịch, Tập lục mới truyền đến. Sư bèn xem văn liền giảng, không hề bị đuối lý sai lầm, tuy chưa thấy được văn từ sau, mà văn truyền trước đã thâm khế hợp. Bấy giờ, năm chúng khác Bộ rất kính trọng. Sư có soạn Luận “Thập chủng bất cảm châm lượng” sáu quyển, ý chỉ văn từ trang nhã rất hay, được lưu truyền rộng. Từ đó, Sư chuyên mở mang Dị tập, ảnh hưởng cao đến chúng khác.

Đến ngày mười hai tháng chín niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười một (615) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Từ Môn, thọ năm mươi bốn tuổi. Đệ tử Sư là Sa-môn Đạo Huấn, Đạo Thọ, thức phụng y Đà, truy niệm

xây dựng ngôi tháp trắng ở dưới núi Chung Nam, lập bia minh khen ngợi đức hạnh của Sư.

Sư có đệ tử là sa-môn Thiện Trí, là bậc trên hợp với huyền cơ, cao bước vượt ngoài đời. Tổ Sư Tín Hạnh hết lòng thỉnh nghiệp, chước sâu biện vị, khéo phân biệt chỗ tinh tế. Sư Thiện Trí vào thất gần gũi không bao lâu mà tinh cùng hang lý, Sư từng lấy một trong bốn phần dùng để giúp hình lụy. Suốt mùa Hạ xếp chân nhiếp lự quán Phật, thật là bậc Thượng đạt cảnh sách siêng năng. Nên ngài Tín Hạnh kính vái Phong cách, nhã tướng nêu đến cùng. Chúng đương thời đều vui mừng.. Có thể gọi đó là dùng Đức hàng Phục người. Sư có soạn bộ “Đốn giáo nhất thừa” hai mươi quyển. Nhân thời mà chế nghi, cùng vâng theo lưu truyền ở đời. Sư thị tịch vào niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607) đời Tùy. Các Đệ tử an táng Sư ở phía phải của tháp mộ Ngài Tín Hạnh.

Ngài Đạo Huấn có tài phân lược, ngài Đạo Thọ dồi dào thuyết dẫn dắt. Hiện nay đang hoằng hóa, đứng đầu Tông chẳng với đồng bạn. Bây giờ tạm nêu Pháp Diên, các hàng tăng tục nhóm họp, tiếng tăm về vang cảm kính. Sợ sau này khó tìm vết tích.

12- Truyện ngài Thích Tăng Chiếu trụ chùa Thần Điền ở núi Chung Nam:

Thích Tăng Chiếu, người ở xứ Kinh Triệu, không rõ Sư họ gì. Sư vào đạo từ tuổi thơ ấu, ở nơi yên tĩnh, đến các nơi giáo hóa. Sư thường ở nơi u ẩn, thường cảm những điềm lạ, cao hơn vượt thường độ, sợ gây ra kinh hãi cho người đời, nên ít nghe nói về Sư.

Gặp thời Bắc Chu Phá diệt Phật pháp. Sư chẳng gần sự ố náo của duyên trần, riêng ở non Tần, cao bước dưới vườn thông, ngắm nhìn ảnh và tâm cùng vui tự đắc. Sư tự bảo rằng: “Nay ta ở đây an thái, đâu còn ở đâu vui hơn ở đây? Chư tăng còn lại ở thành ấp kia thuận theo thế tục!” Sư dùng đó để tự cấp, không một nương cậy vào đâu. Đến đầu đời Tùy (581) mở mang Phật Pháp, Sư bèn đến Điền Cốc ở Nam Sơn thuộc huyện Hộ, xây dựng chùa Thần Điền, nuôi dưỡng đồ chúng phát huy đạo nghiệp, tiếng tăm vang khắp Vị Xuyên, các hàng tăng tục kính ngưỡng, có đức tin càng nhiều.

Đến những năm cuối thời vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy, đang gá ẩn tại Kỳ Sơn, vì đạo đức Sư vang xa, nên ý vua muốn thỉnh đến diện kiến. Bèn sai Tả Bộc Xạ Dương Tố đến núi tuyên đọc sắc chỉ và đích thân thỉnh Sư đến cho vua ra mắt. Sư dự biết được việc ấy, bảo với thị giả rằng: “Sẽ có khách quý đến chùa, hãy nên sửa soạn

các thức ăn uống.” Sáng hôm sau, quả nhiên Sư đến núi, Dương Tố oai hùng anh tiết, tự như mạnh mẽ không ai bằng, nhưng khi đến nơi bờ rào của Sư bất chợt khiếp vía tán đảm, xuống xe muốn đi tới mà bước chẳng được, bèn bảo người đưa tin đến Sư, Sư vẫn thản nhiên khoanh tay như thường, bảo Dương Tố đến trước mặt, khắp mình Dương Tố ướt đầm mồ hôi, tâm trí đều không giữ vững, chỉ trao truyền được sắc chiếu, ngoài ra không nói thêm được gì. Giây lâu sau mới bình tĩnh, đem tâm tình mà thưa với Sư rằng: “Rừng núi vắng sâu, tính tướng không gì khác lạ. Đàn Việt có ý tốt muốn cùng tìm, lý không hư dối.” Ăn xong, Dương Tố xin giã từ trở về. Sư bảo rằng: “Nhờ đội ân ưu ái của Thiên tử cho nên Nhân Thọ lâu dài, nhưng Đạo ở tại u thông, chưa rãnh để đích thân kính thờ, thêm vì già bệnh nối nhau, không có dịp để được tiếp đối!” Dương Tố trở về tấu trình đầy đủ sự tình, thuật bày nỗi lòng khiếp sợ. Vua Văn Đế bảo: “Oai lực của giới sư là như vậy, vì ông quá hùng võ nên đến đó kính sợ như thế”. Vua lại ban sắc bảo Dương Tố mang các thứ hương dầu lên lại núi, tỏ bày Cảnh ngưỡng, và Vua ban sắc chiếu rằng: “Thiên sư đức ở ngoài vật luận bàn, Đạo ánh ngời suốt cả ban sơ, tự thân ở chốn núi non, nuôi dưỡng tinh tố, tôn sùng nghiệp hạnh. Trẫm rất vui mừng. Nay đưa tặng cúng dâng ít vật, để tỏ bày sự cung kính!” Dương Tố lấy sự rộng rang kính ngưỡng cảnh hạnh ở trước, lại bái yết chốn sơn môn, nén dẹp thân tâm, mới tỏ bày đối ngữ. Sư giảng nói chánh pháp cho nghe, rất xứng hợp với bốn hoài. Dương Tố bèn muốn xả thí vàng lụa của mình để sửa sang mở rộng chùa tháp. Sư bảo rằng: “Chốn núi non suối rừng đều có thể dùng để mài giữa tâm. Chùa tháp thiền phường trang nghiêm chốn thành ấp.” Tất cả các thứ vua dâng tặng, Sư chẳng nhận một vật nào. Dương Tố lại xin thọ giới pháp. Sư cho rằng Giới hạnh khinh hủy thì chìm đục khó trong, bèn giảng nói cho nghe các Pháp từ bi, nhân dục, bày lý dẫn dụ thấu đạt, chứ không truyền giới. Sư hành xử như thế, đó cũng là bậc minh tượng thấu đạt được căn cơ thời vận! Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa, thọ tám mươi ba tuổi.

Ban đầu, sau khi thọ giới cụ túc, vâng giữ giới luật, hơn sáu mươi năm, Sư giữ ba pháp y chẳng thay đổi, tuy khâu vá chông chắt nhiều lớp mà Sư vẫn thọ trì không lìa bỏ, chỉ tự thân Sư kính giữ, thị giả chẳng được nâng trì. Hoặc có lúc tiếp giữ nâng lên nặng như núi Thái, nhưng không hề rời khỏi chỗ, nhưng lúc Sư bưng tiếp lại nhẹ như lông tơ. Nhân việc đó mà biết rõ Sư cũng là bậc Thanh phong Đại đức.

13- Truyện ngài Thích Hồng Lâm trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu:

Thích Hồng Lâm, không rõ Sư họ gì. Sư là người xứ Thái Nguyên. Từ thuở thiếu thời, Sư bước vào Thích môn, bảm thọ Thanh hóa. Sư có chí hòa nhã, nói năng hòa mục. Sư trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu. Tiết tháo Sư nương gá nhàn tĩnh, ít tiếp xúc người vật, mà Phòng Sư ở cùng nối liền với phòng chúng tăng. Sư tề chỉnh trang nghiêm, ít nói ít giao thiệp, nên các bậc cao niên thanh đức trong chúng tăng đều kính vâng. Sư đến các phòng, không đâu chẳng lưu dấu thâm bước, về sau hưởng vượt. Ngài rất được người đời kính trọng như thế.

Ngài ở riêng trong một ngôi thất suốt năm mươi năm. Khách đến Sư đón rước mà chân chẳng vượt qua ngạch cửa. Còn như tăng pháp chế độ, đạo tục mỗi ngày hai bữa ăn, tự thân Sư trước ngồi ở đầu tòa gắng sức vâng giữ, chẳng vì đạo đức mà dùng thiếu sót với Đại chúng đương thời. Ngoài ra thì Sư an nhiên ngồi thẳng trong phòng, an nhiên sừng sững. Bình bát mọi vật đều để ngay ngắn đúng chỗ, nên mọi người bước đến cửa phòng Sư đều bất chợt nổi ốc khắp mình. Có người hỏi về nguyên do thì Sư vẫn ung dung đàm luận, từ nghĩa xác đáng, chẳng thể lường biết tâm tạo. Nên tại chùa Đại Hưng Quốc, chúng tăng có hơn trăm vị, đều kính sợ Sư như trời.

Sư thị tịch tại chùa Đại Hưng Quốc vào niên hiệu Võ Đức (618 - 627) thời Tiền Đường, thọ hơn tám mươi tuổi.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 18 hết).